

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0300520465 ngày 03 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 03/04/2017

Địa chỉ: 86 – 90 Cách Mạng Tháng 8, Phường 6, Quận 03, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 84-(028) 39305200

Fax: 84-(028) 39305091

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Lâm Kim Khoa,

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	2
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	2
1.1. Giới thiệu về Công ty	2
1.2. Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch.....	2
1.3. Quá trình hình thành và phát triển	3
1.4. Quá trình tăng vốn:.....	4
2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông	8
3. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.	10
4. Hoạt động kinh doanh.	10
5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	11
6. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	12
7. Chính sách đối với người lao động	13
8. Chính sách cổ tức	14
9. Tình hình tài chính, công nợ	14
9.1. Trích khấu hao tài sản cố định	14
9.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn	15
9.3. Các khoản phải nộp theo luật định:	15
9.4. Trích lập các quỹ theo luật định:.....	15
9.5. Tổng dư nợ vay:	15
9.6. Tình hình công nợ hiện nay	16
9.7. Đầu tư tài chính dài hạn.....	17
9.8. Hàng tồn kho:.....	17
9.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	17
10. Tài sản	18
11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	19
12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng.....	20
13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	20
14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có).....	21
II. QUẢN TRỊ CÔNG TY	21
1. Hội đồng quản trị.....	21
1.1. Danh sách HĐQT.....	21
1.2. Sơ yếu lý lịch HĐQT	21
2. Ban kiểm soát	30
2.1. Danh sách Ban kiểm soát.....	30
2.2. Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát.....	30
3. Ban lãnh đạo của Công ty:	34
3.1. Danh sách Ban lãnh đạo	34
3.2. Sơ yếu lý lịch Ban lãnh đạo	34
4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.	35

III. PHỤ LỤC..... 36

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.
- Tên tiếng Anh: Saigon Optic Company.



- Logo của Công ty:
- Vốn điều lệ đăng ký: 19.149.000.000 đồng (Mười chín tỷ một trăm bốn mươi chín triệu đồng).
- Vốn điều lệ thực góp: 19.149.000.000 đồng (Mười chín tỷ một trăm bốn mươi chín triệu đồng).
- Trụ sở chính: 86 – 90 Cách Mạng Tháng 8, Phường 6, Quận 03, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 84-(028) 39305200.
- Fax: 84-(028) 39305091.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Kim Khoa – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Email: saigonoptic8690@yahoo.com.vn
- Website: saigonoptic.com
- Ngày trở thành Công ty đại chúng: Ngày 04/10/2007.
- Giấy chứng nhận ĐKKD: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300520465 ngày 03 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 03/04/2017.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - o Sản xuất, kinh doanh kính mắt và dụng cụ quang học về mắt.
 - o Cho thuê mặt bằng.

1.2. Thông tin về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Mã chứng khoán: SOV.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 1.914.900 cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

Gới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam cùng các văn bản pháp luật có liên quan.

Tại thời điểm ngày 18/04/2019, số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần – tương ứng 0%.

1.3. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Mắt Kính Sài Gòn tiền thân là Xí Nghiệp Mắt Kính Sài Gòn. Xí Nghiệp Mắt Kính Sài Gòn được thành lập theo quyết định số 144/QĐ-UB ngày 2 tháng 5 năm 1979 của Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố là một xí nghiệp công nghiệp nhẹ, sản xuất kính mắt các loại (mắt, cận, viễn, loạn ...) vì sản phẩm chủ yếu của Xí nghiệp là kính độ phục vụ sức khỏe về mắt cho con người nên Xí nghiệp được giao cho Sở Y tế Thành phố quản lý.
- Sau nhiều năm nỗ lực cố gắng hoàn thiện, năm 1998 Xí nghiệp Mắt Kính Sài Gòn đã có đủ điều kiện để tiến hành cổ phần hóa theo quy định tại Nghị Định số 44/4998/NĐ-CP ngày 29/06/1998 của chính phủ về việc chuyển đổi một số công ty Nhà nước thành công ty Cổ Phần.
- Đến năm 1999, Xí nghiệp Mắt Kính Sài Gòn được cổ phần hoá và chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ Phần Mắt Kính Sài Gòn theo quyết định số 1721/QĐ-UB-KT ngày 24/3/1999 của UBND TP Hồ Chí Minh; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000033 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 04 năm 2000 với vốn điều lệ ban đầu là 8.970.900.000đ đồng (Vốn Nhà nước 35% do Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn quản lý).
- Ngày 03/04/2000 Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần sau khi thực hiện thành công việc cổ phần hóa với vốn điều lệ là 8.970.900.000 đồng.
- Cùng với việc mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty cũng nâng mức vốn điều lệ ban đầu từ 8.970.900.000 đồng đến 19.149.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

0300520465 ngày 03 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 03/04/2017.

- Ngày 04/10/2007, Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 758/UBCK-QLPH ngày 04/10/2007 của UBCKNN.

1.4. Quá trình tăng vốn:

Kể từ khi hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện 3 lần tăng vốn như sau:

Lần	Thời gian hoàn tất phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	27/03/2003	1.795.100.000	10.766.000.000	Cổ đông hiện hữu.	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/MK-SG/2003 ngày 11/03/2003. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000033 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 27/03/2003.
2	03/01/2016	5.383.000.000	16.149.000.000	Phát hành cổ phiếu thường cho Cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2016 ngày 01/10/2016. - Công văn số 6936/UBCK-QLCB ngày 14/10/2016 của UBCK về việc tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Báo cáo kết quả phát hành ngày 03/11/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

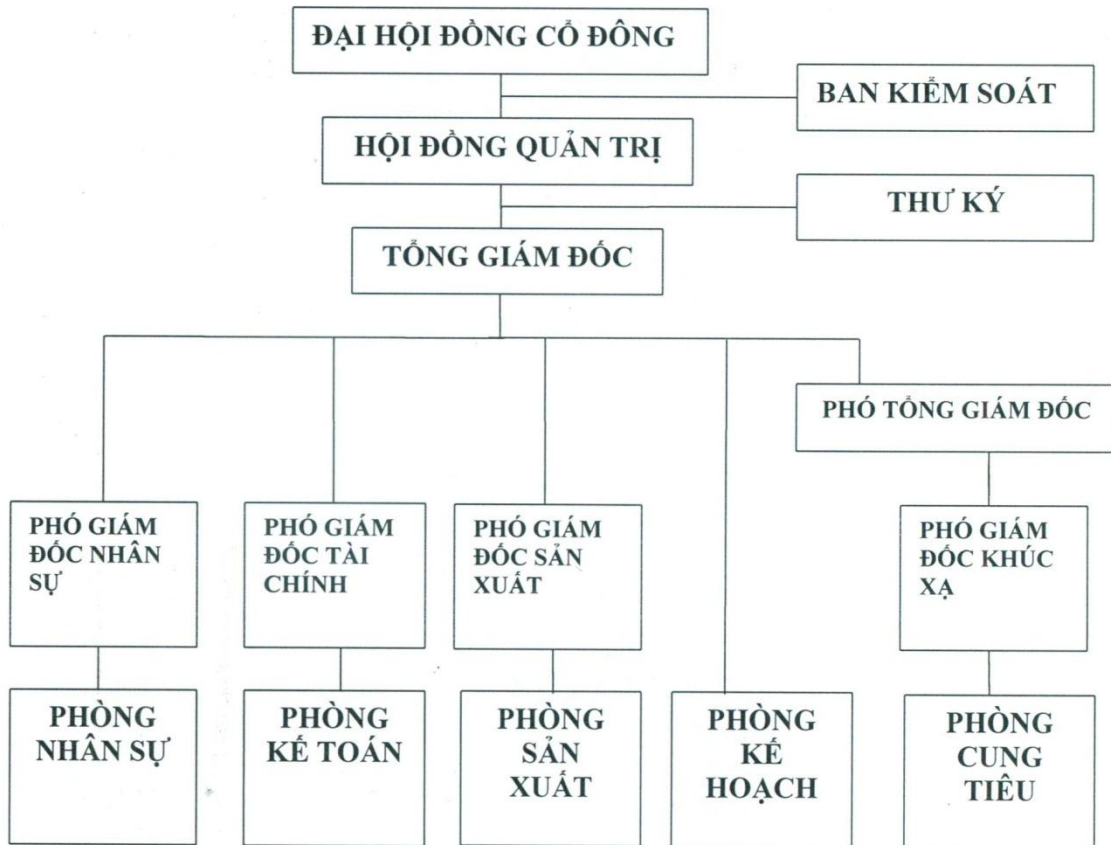
Lần	Thời gian hoàn tất phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					- Công văn số 7491/UBCK-QLCB ngày 15/11/2016 của UBCK về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300520465 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/11/2016.
3	25/02/2017	3.000.000.000	19.149.000.000	Phát hành riêng lẻ cho thành viên HĐQT và BKS	- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2016 ngày 09/04/2016. - Công văn số 544/UBCK-QLCB ngày 24/01/2017 của UBCK về việc Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ. - Báo cáo kết quả phát hành ngày 27/02/2017. - Công văn số 1454/UBCK-QLCB ngày 21/03/2017 của UBCK về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ. - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300520465 ngày 03 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Lần	Thời gian hoàn tất phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
					03/04/2017.

Nguồn: Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.

Cơ cấu tổ chức và quản lý công ty:



Nguồn: Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.

➤ Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính như sau:

- Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ.

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên.
- Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị.
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành.
- Và các nhiệm vụ khác.

➤ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 07 thành viên, các thành viên Hội đồng Quản trị do cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

➤ **Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có 03 thành viên, Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán – kiểm toán và các thành viên khác làm về kế toán. Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện của Ban.

➤ **Tổng giám đốc**

Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

➤ **Phó Tổng Giám đốc**

Hỗ trợ cho Tổng giám đốc trong công việc điều hành, trực tiếp quản lý Phòng cung tiêu. Chịu trách nhiệm trực tiếp với Tổng giám đốc về những việc được giao.

➤ **Phó giám đốc nhân sự**

Quản lý Phòng Nhân sự và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Nhân sự**

Phòng Nhân sự có chức năng tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty về các lĩnh vực: quản trị, hành chính, nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

sự – tiền lương, thanh tra – pháp chế, y tế, bảo vệ – phòng cháy chữa cháy, thông tin – hệ thống chất lượng, tổng hợp điều phối hoạt động các đơn vị.

➤ **Phó giám đốc tài chính**

Quản lý Phòng Kế toán và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Kế toán**

Phòng Tài chính kế toán có chức năng tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc thực hiện quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty về lĩnh vực tài chính – kế toán – thống kê.

➤ **Phó giám đốc sản xuất**

Quản lý Phòng Sản xuất và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Sản xuất**

Có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc, lập kế hoạch sản xuất đảm bảo sản phẩm đáp ứng đúng yêu cầu của khách hàng.

➤ **Phòng Kế hoạch**

Có chức năng tham mưu cho Tổng giám đốc, lập kế hoạch kinh doanh, lập kế hoạch mua hàng đảm bảo đủ nguồn hàng cung ứng.

➤ **Phó giám đốc khúc xạ**

Quản lý Phòng Cung tiêu và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc.

➤ **Phòng Cung tiêu**

Có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc và thực hiện việc mua sắm thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế, nguyên nhiên vật liệu sản xuất ... theo kế hoạch đã được phê duyệt. Thực hiện nghiệm thu vật tư máy móc, thiết bị theo quy định.

2. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ; Cơ cấu cổ đông**

a) Danh sách cổ đông sáng lập:

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp 2014: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công ty được cấp GCNĐKKD, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng số cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

ĐHĐCD”, Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn đăng ký lần đầu dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 03/04/2000, do đó tính đến thời điểm 18/04/2019, cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

b) Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% tại ngày 18/04/2019

STT	Họ và tên	Số GCNĐKKD/CMT	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên VDL
1	Công ty Cổ phần Địa ốc ACB	0302487157	63A Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM	161.490	8,43%
2	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	0300523385	18 – 20 Nguyễn Trường Tộ, p. 12, Q. 04, Tp. HCM	565.155	29,51%
3	Đỗ Thị Trang	023280349	177 Bis Lý Chính Thắng, P. 07, Q. 03, Tp. HCM	112.500	5,87%
4	Lâm Kim Khoa	020853735	14 Đường số 02, Cư xá Lữ Gia, P. 15, Q. 11, Tp. HCM	96.000	5,01%
	Tổng cộng			935.145	48,82%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 18/04/2019.

c) Cơ cấu cổ đông tại ngày 18/04/2019:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước	149	1.914.900	100%
Cá nhân	147	1.188.255	62,06%

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Tổ chức	02	726.645	37,94%
Cổ đông nước ngoài	0	0	0
Cá nhân	0	0	0
Tổ chức	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng cộng	149	1.914.900	100%

Danh sách cổ đông của Công ty chốt ngày 18/04/2019.

3. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của công ty đại chúng, những công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng.**

- Công ty mẹ: không có.
- Công ty con: không có.
- Công ty mà công ty đại chúng đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có.
- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với công ty đại chúng: không có.

4. **Hoạt động kinh doanh.**

4.1. **Hoạt động kinh doanh chính:**

- Kinh doanh kính đeo mắt dành cho tật khúc xạ theo đơn đặt hàng của khách hàng và sản xuất hàng loạt.
- Buôn bán sỉ, lẻ các sản phẩm nhãn hiệu hàng đầu thế giới của ngành kính đeo mắt như: kính thuốc (dành cho tật khúc xạ), kính sát trùng, kính thẩm mỹ, kính thời trang
- Gia công các loại tròng dành cho tật khúc xạ từ phôi kính nhập khẩu, lắp ráp kính thành phẩm.
- Các dịch vụ kỹ thuật, tư vấn, khám mắt, đo mắt.
- Sản phẩm chính của Công ty: Là các loại tròng kính, gọng kính nhãn hiệu hàng đầu thế giới được nhập khẩu gồm: các loại tròng dành cho tật khúc xạ, tròng mát và các loại gọng kính: Gọng kim loại Nhật, Anh, Mỹ, Ý; Gọng TITAN Nhật; Gọng nhựa Mỹ, Ý, Hàn Quốc, kính sát trùng, được phẩm dùng với kính sát trùng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Cho thuê mặt bằng: một phần ngôi nhà số 46 – 48 Phạm Ngọc Thạch, Phường 06, Quận 03, TP. HCM. Diện tích phần đất cho thuê: 189m², tổng diện tích sử dụng: 849m². Giá cho thuê là 181.960.000 đ/tháng. Phần cho thuê được dùng để kinh doanh dịch vụ giải trí; Phần diện tích không cho thuê Công ty sử dụng cho hoạt động kinh doanh chính.

Cơ cấu doanh thu thuần trong 2 năm gần nhất:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
DTT bán hàng hóa	42.142	93,31%	42.588	92,08%
DTT cung cấp dịch vụ	3.021	6,69%	3.661	7,92%
Tổng cộng	45.163	100%	46.249	100%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn)

Cơ cấu lợi nhuận gộp trong 2 năm gần nhất

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng/DTT	Giá trị	Tỷ trọng/DTT
LN gộp từ bán hàng hóa	14.172	32,57%	14.828	32,06%
LN gộp từ cung cấp dịch vụ	3.021	6,69%	3.661	7,91%
Tổng cộng	17.193	38,06%	18.489	39,97%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn).

5. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
----------	----------	----------	-------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng tài sản	30.788.565.776	31.189.219.664	1,30%
Vốn Chủ sở hữu	23.358.986.977	23.500.609.038	0,61%
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	45.162.893.944	46.249.738.875	2,41%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.901.019.581	5.840.950.866	-15,36%
Lợi nhuận khác	11.396.060	-6.038.178	-152,98%
Lợi nhuận trước thuế	6.912.415.641	5.834.912.688	-15,59%
Lợi nhuận sau thuế	5.488.867.237	4.621.024.512	-15,81%
Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	12.198	12.272	0,61%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn).

6. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

❖ Vị thế của Công ty trong ngành

- Công ty có hệ thống máy móc thiết bị sản xuất mắt kính từ nguyên liệu phôi. Máy móc thiết bị của Công ty hiện đại hơn hẳn so với các công ty trong ngành.
- Công ty có thị phần lớn nhất tại thị trường Tp. HCM về lĩnh vực kính đeo mắt dành cho tật khúc xạ, Công ty cổ phần Mắt Kính Sài Gòn chiếm trên 65% thị phần trên địa bàn Tp. HCM.
- Công ty có một đội ngũ công nhân lành nghề và đội ngũ cán bộ quản lý giỏi nhiều kinh nghiệm.
- Công ty có lợi thế trong địa thế kinh doanh. Trụ sở văn phòng và hệ thống các cửa hàng của Công ty nằm ở những quận trung tâm của thành phố, được nhiều người biết đến và thuận lợi cho việc đi lại.
- Nhìn chung, Công ty vượt hơn hẳn các công ty trong ngành về thị phần, máy móc thiết bị cũng như là đội ngũ nhân viên.

❖ Triển vọng phát triển của ngành

- Dân số Việt Nam tăng bình quân khoảng 1,1% năm nên nhu cầu mắt kính tăng trưởng đều hàng năm, thị trường luôn tăng trưởng. Ngoài ra, do xu hướng càng ngày càng gia tăng việc tiếp xúc với những thiết bị hiện đại như máy vi tính, điện thoại thông minh và máy tính bảng nên

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

các tật về mắt cũng tăng lên đáng kể (cận thị, viễn thị, loạn thị). Đây là những yếu tố chính giúp thị trường mắt kính tăng trưởng bền vững và ổn định.

- Với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật các loại kính sát trùng đã trở nên thông dụng do sự tiện lợi trong sinh hoạt cũng như về mặt thẩm mỹ. Đây cũng là yếu tố giúp thị trường mắt kính tăng trưởng.

- Kính mát ngoài nhu cầu thẩm mỹ, thời trang còn có nhiệm vụ bảo vệ mắt chống tia tử ngoại, giúp người sử dụng cảm thấy thoải mái hơn. Đây là phân khúc thị trường tương đối lớn để các doanh nghiệp ngành mắt kính hướng tới phục vụ cho nhu cầu này.

- Với tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam mỗi năm trên 5% đã giúp cho thị trường mắt kính luôn được mở rộng do người tiêu dùng có sẵn điều kiện để mua sắm thỏa mãn theo ý mình.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.**

- Với nền kinh tế phát triển mỗi năm trên 5% và dân số tăng khoảng 1,1% mỗi năm là cơ sở để thị trường tiêu dùng mắt kính phát triển bền vững và ổn định trong lâu dài. Do vậy Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn chuyên sản xuất kinh doanh các loại mắt kính tại Việt Nam là điều phù hợp với sự phát triển của xã hội.
- Sự phát triển của Công ty hoàn toàn phù hợp với mục tiêu và định hướng phát triển của Bộ Y tế và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường tiêu thụ tại Việt Nam.

7. Chính sách đối với người lao động

❖ **Số lượng người lao động trong công ty: tại ngày 18/04/2019 Công ty có 108 lao động.**

Cơ cấu lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Phân theo trình độ lao động	108	100
Trên đại học:		
Trình độ đại học	20	18,5
Trình độ cao đẳng, trung cấp	02	1,9
Trình độ khác	86	79,6

Nguồn: Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.

❖ **Chính sách lương thưởng, trợ cấp**

- Chính sách tiền lương: Công ty xây dựng chính sách trả lương hợp lý nhằm thu hút, giữ chân người lao động, khuyến khích động viên người lao động đóng góp vào sự phát triển của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Chính sách thưởng: thưởng vào các dịp Tết Dương Lịch, 30/4, Lễ Quốc khánh 2/9 và Tết Nguyên đán (theo quy chế cụ thể).
- Mức lương bình quân

Đvt: đồng/người/tháng

Diễn giải	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tiền lương bình quân	8.890.687	9.592.400	10.304.598

Nguồn: Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.

❖ Chế độ bảo hiểm

- Đóng Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho tất cả Người lao động theo quy định của pháp luật.

❖ Chính sách khen thưởng

- Khen thưởng theo quy định của Công ty và luật thi đua khen thưởng.

8. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức thanh toán	Ghi chú
Năm 2016	26%	Tiền mặt	Đã thanh toán
Năm 2017	20%	Tiền mặt	Đã thanh toán
Năm 2018	10%	Tiền mặt	Đã thanh toán

Nguồn: Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.

9. Tình hình tài chính, công nợ

9.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo đường thẳng. Thời gian khấu hao ước tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Stt	Nhóm tài sản	Số năm
1.	Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 – 25
2.	Máy móc, thiết bị	3 – 15
3.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
4.	Thiết bị quản lý	5 – 10
5.	Phần mềm máy tính	3

9.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay, cũng như nợ của khách hàng. Tại thời điểm hiện tại Công ty không có nợ quá hạn.

9.3. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty luôn nộp đúng và đủ các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định của Nhà nước. Tại thời điểm hiện tại Công ty đã thanh toán đầy đủ các khoản thuế nộp cho nhà nước.

9.4. Trích lập các quỹ theo luật định:

Công ty trích lập các quỹ theo đúng luật định, số dư các loại quỹ tại từng thời điểm như sau:

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
1	Quỹ đầu tư phát triển	504.813.403	735.864.629
2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	372.533.492	328.702.187
	Cộng	877.346.895	1.064.566.816

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn)

9.5. Tổng dư nợ vay:

Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn không có các khoản Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và Vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

9.6. Tình hình công nợ hiện nay

• Các khoản phải thu

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
1	Phải thu khách hàng	316.785.336	149.090.442
2	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	23.495.512	24.805.138
3	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-169.540.800	0
4	Tài sản thiếu chờ xử lý	523.000	652.000
	Cộng	171.263.078	174.547.580

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn)

• Các khoản phải trả

Đvt: đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
	Nợ ngắn hạn	6.232.608.779	6.738.610.626
1	Phải trả cho người bán	2.228.986.899	2.126.983.082
2	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	647.175.264	1.052.281.648
3	Phải trả người lao động	1.473.064.094	1.311.892.309
4	Phải trả ngắn hạn khác	1.510.849.050	1.918.751.400
5	Quỹ khen thưởng phúc lợi	372.533.492	328.702.187
	Nợ dài hạn	1.196.970.000	950.000.000
6	Phải trả dài hạn khác	1.196.970.000	950.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
	Tổng cộng	7.429.578.799	7.688.610.626

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn)

9.7. Đầu tư tài chính dài hạn

Không có.

9.8. Hàng tồn kho:

Đvt: đồng

Stt	Nội dung	31/12/2017	31/12/2018
1.	Nguyên vật liệu	24.153.403.936	26.417.762.858
2.	Công cụ, dụng cụ	209.653.160	219.081.760
3.	Chi phí SX, KD dở dang	1.557.630	1.551.330
4.	Hàng hoá: Dược phẩm dùng cho kính sát trùng	1.387.274	526.819
5.	Tổng cộng	24.366.002.000	26.638.922.767

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn)

9.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	4,54 lần	4,34 lần
1.2	Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,63 lần	0,38 lần

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	24,13%	24,65%
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	31,81%	32,72%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
3.1	Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,28 lần	1,09 lần
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,47 lần	1,48 lần
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
4.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	12,15%	9,99%
4.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq	26,70%	19,72%
4.3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	20,10%	14,91%
4.4	Hệ số lợi nhuận hoạt động KD/Doanh thu thuần	15,28%	12,63%

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn

10. Tài sản

10.1. Tình hình tài sản của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2018

Đvt: đồng

STT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	GTCL/Nguyên giá (%)
I	TSCĐ hữu hình	13.212.435.260	1.963.992.976	14,86
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	6.506.699.184	1.272.202.908	19,55
2	Máy móc, thiết bị	5.209.903.931	229.880.566	4,41
3	Phương tiện vận tải	1.453.541.236	439.490.759	30,24
4	Thiết bị quản lý	42.290.909	22.418.743	53,01

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

II	TSCĐ vô hình	138.612.500	0	0
1	Phần mềm máy vi tính	138.612.500	0	0
	Tổng cộng	13.351.047.760	1.963.992.976	14,71

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP Mắt kính Sài Gòn)

10.2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Không có.

10.3. Danh sách các tài sản có giá trị lớn và bất động sản Công ty đang sử dụng

STT	Địa chỉ	Nguyên giá (đồng)	Mục đích sử dụng	Hình thức sở hữu
1	535 – 537 Trần Hưng Đạo B, Phường 14, Quận 05, TP.HCM	1.483.197.059	Cửa hàng kinh doanh	Thuê đất 20 năm (từ năm 2000 đến 2020)
2	86 – 90 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 06, Quận 03, TP.HCM	2.373.079.465	Phân xưởng sản xuất, cửa hàng kinh doanh, Văn phòng	Thuê đất 50 năm (từ năm 2000 đến 2050)
3	46-48 Phạm Ngọc Thạch, Phường 06, Quận 03, TP.HCM	2.650.422.660	Cửa hàng kinh doanh	Thuê đất 20 năm (từ năm 2000 đến 2020)

Nguồn: Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn.

11. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (đồng)	% tăng giảm so với 2018	Giá trị (đồng)	% tăng giảm so với 2019
Vốn điều lệ	19.149.000.000	0%	19.149.000.000	0%

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (đồng)	% tăng giảm so với 2018	Giá trị (đồng)	% tăng giảm so với 2019
Doanh thu thuần	47.000.000.000	0,6%	47.000.000.000	0%
Lợi nhuận sau thuế	4.640.000.000	0%	4.640.000.000	0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	9,87%	-	9,87%	
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	24,23%	-	24,23%	
Cổ tức (%)	18%	-	18%	

Nguồn: CTCP Mắt kính Sài Gòn

Ghi chú: kế hoạch do Công ty lập đã được ĐHDCĐ thường niên năm 2019 thông qua.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận nói trên

- Mở rộng chức năng kinh doanh, đẩy mạnh kế hoạch tiếp thị quảng bá sản phẩm đặc biệt chú trọng các sản phẩm mà công ty có ưu thế. Đào tạo nâng cao tay nghề cho nhân viên với hình thức đào tạo tại chỗ và tham gia các lớp đào tạo chuyên môn. Đầu tư trang bị làm mới các cửa hàng để thu hút khách hàng, nhằm nâng cao hoạt động kinh doanh.
- Phục vụ tốt nhất mọi đối tượng khách hàng trên các mặt: giá thành sản phẩm phù hợp với mọi đối tượng khách hàng từ thấp đến cao, nhưng vẫn luôn bảo đảm chất lượng sản phẩm và nâng cao dịch vụ đo, khám mắt để phục vụ khách hàng.
- Đa dạng hóa sản phẩm, bằng cách nhập nhiều mẫu kính mát thời trang, kính bảo hộ lao động, kính thể thao, các loại gọng nhựa và kim loại của các thương hiệu kính có uy tín, chất lượng hàng đầu thế giới.

12. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có.

13. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Hoàn thiện và phát triển các cơ sở mà công ty đang có tăng khả năng phục vụ khách hàng đến đo mắt và làm kính mắt có chất lượng cao.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Đa dạng hóa sản phẩm kính mát thời trang, kính bảo hộ lao động, kính thể thao, các loại gọng nhựa và kim loại.
- Nâng cao năng suất lao động, hợp lý hóa sản phẩm để giảm giá thành sản phẩm, tăng doanh thu.

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty (nếu có)

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Danh sách HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức danh	Ghi chú
1.	Lâm Kim Khoa	Chủ tịch	Thành viên điều hành
2.	Lưu Thị Nhung	Phó chủ tịch	Thành viên điều hành
3.	Nguyễn Tuấn Nhã	Thành viên	Thành viên điều hành
4.	Đỗ Thị Trang	Thành viên	Thành viên không điều hành
5.	Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	Thành viên không điều hành
6.	Trần Phương Anh	Thành viên	Thành viên không điều hành
7.	Phạm Đình Tín	Thành viên	Thành viên không điều hành

1.2. Sơ yếu lý lịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- Họ và tên : **Lâm Kim Khoa**
- Giới tính : Nam.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 03/12/1942.
- Quê quán : Cà Mau.
- Địa chỉ thường trú : 14A Đường số 2 Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp. HCM.
- Địa chỉ liên lạc : 14A Đường số 2 Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Tp. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Trình độ chuyên môn: Dược sĩ – Đại học Dược khoa Sài Gòn.
- Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không có.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1977 – 1979	Hiệu kính Quốc Doanh	Kỹ thuật Mắt Kính
Từ năm 1979 – 1990	Xí nghiệp Mắt Kính Sài Gòn	Chuyên viên kỹ thuật
Từ năm 1990 – 2000	Xí nghiệp Mắt Kính Sài Gòn	Phó Giám Đốc
Từ năm 2000 – 2002	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ tháng 4/2002 đến nay	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu : 96.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,01% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
 - Cá nhân sở hữu : 96.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,01% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan: không có
 - Tổ chức có liên quan: không có

Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc

- Họ và tên : **Lưu Thị Nhung**
- Giới tính : Nữ.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 29/06/1947.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Quê quán : Hạ Trạch – Bố Trạch – Quảng Bình.
- Nơi ở hiện tại : 176/18 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1976 – 1978	Sở Y Tế Tp. HCM	Nhân viên Phòng quản lý dược
Từ năm 1979 – 1994	Xí nghiệp Mắt kính Sài Gòn	Quản đốc Phân xưởng lắp ráp kính. Trưởng phòng kế hoạch
Từ năm 1995 – 1997	- Trường Cao đẳng Quốc tế đào tạo chuyên viên mắt kính - Pháp (L'École Supérieure International D'optométrie - France) - Đại học Nam Paris – Khoa khoa học và kỹ thuật quang sinh lý, kính áp tròng và khúc xạ	Học chuyên ngành mắt kính và khúc xạ
Từ năm 1998 – 1999	Xí nghiệp Mắt kính Sài Gòn	Trưởng phòng Cung tiêu
Từ năm 2000 – 2002	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Thành viên Hội đồng quản trị. Trưởng phòng Cung tiêu
Từ tháng 2003 đến nay	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị. Phó tổng giám đốc

- Số cổ phần sở hữu : 52.010 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,72% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
- Cá nhân sở hữu : 52.010 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,72% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Người có liên quan: không có.
- Tổ chức có liên quan: không có.

Thành viên HĐQT

- Họ và Tên : Nguyễn Tuấn Nhã.
- Giới tính : Nam.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 30/10/1965.
- Quê quán : Bình Dương.
- Nơi ở hiện tại : 73/6 Trần Bình Trọng, Phường 01, Quận 05, Tp. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó giám đốc sản xuất.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1984 – 1985	Công ty thương mại Hợp tác xã Quận 5	Nhân viên
Từ năm 1986 – 2000	Xí nghiệp Mắt kính Sài Gòn	Nhân viên
Từ năm 2001 – 2003	Công ty Cổ phần mắt kính Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát. Phó quản đốc phân xưởng tròng kính
Từ năm 2004 – 2005	Công ty Cổ phần mắt kính Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát. Quản đốc phân xưởng tròng kính
Từ năm 2006 – 2010	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát. Trưởng phòng sản xuất
Từ năm 2011 – 2012	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Thành viên Hội đồng quản trị. Trưởng phòng sản xuất
Từ năm 2013 đến nay	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Thành viên Hội đồng quản trị. Phó giám đốc sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Số cổ phần sở hữu : 45.750 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,39% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
 - Cá nhân sở hữu : 45.750 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,39% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:
 - Người có liên quan: không có.
 - Tổ chức có liên quan: không có.

Thành viên HĐQT

- Họ và Tên : **Đỗ Thị Trang.**
- Giới tính : Nữ.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 09/12/1957.
- Quê quán : Bến Tre.
- Nơi ở hiện tại : 177 Bis, Lý Chính Thắng, Phường 07, Quận 03, Tp. Hồ Chí Minh.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Kế toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1982 – 1999	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Nhân viên
Từ năm 2000 – tháng 5/2018	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Nhân viên.
Từ tháng 6/2018 đến nay	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Thành viên tiểu ban kế toán nội bộ
Từ năm 2000 – tháng 5/2018	Công ty Cổ phần mắt kính Sài Gòn	Thành viên Hội đồng quản trị

- Số cổ phần sở hữu : 112.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,87% vốn điều lệ.

- Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
- Cá nhân sở hữu : 112.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 5,87% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:
 - Người có liên quan: không có.
 - Tổ chức có liên quan: không có.

Thành viên HĐQT

- Họ và tên : **Nguyễn Minh Tuấn.**
- Giới tính : Nam.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 19/10/1978.
- Quê quán : Thừa Thiên Huế.
- Nơi ở hiện tại : 61/02 Phan Đình Phùng, Phường 17, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài Chính.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ Phần Địa Ốc A.C.B.
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Văn Hóa Tân Bình.
 - Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ ACB.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 2003 – 2004	Ngân hàng TMCP Á Châu	Chuyên viên Phân tích tín dụng
Từ năm 2005 – 2006	Ngân hàng TMCP Á Châu	Phó Phòng kinh doanh ngoại hối
Từ năm 2007 – 2009	Ngân hàng TMCP Á Châu	Trưởng Phòng Đầu tư
Từ năm 2010 – nay	Công ty Quản Lý Quỹ ACB	Tổng Giám Đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Từ năm 2010 – nay	Công ty Cổ phần Mắt Kính Sài Gòn	Thành viên HĐQT
Từ năm 2016 - nay	Công ty Cổ phần Địa Ốc ACB	Chủ tịch HĐQT
Từ năm 2017 - nay	Cty Cổ Phần Văn Hóa Tân Bình	Thành viên HĐQT

- Số cổ phần sở hữu : 201.790 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,54% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu cho Công ty Cổ Phần Địa Ốc A.C.B: 161.490 cổ phần chiếm tỷ lệ 8,43% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu : 40.300 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,10% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:
 - Người có liên quan: không có.
 - Tổ chức có liên quan: không có.

Thành viên HĐQT

- Họ và Tên : **Trần Phương Anh.**
- Giới tính : Nữ.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 01/10/1966.
- Quê quán : Tây Ninh.
- Nơi ở hiện tại : 285/36/7G Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Tp. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Dược sĩ đại học.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1991 – 1992	Hiệu thuốc trung tâm Công ty Dược	Nhân viên bán thuốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

	liệu TW2	
Từ năm 1992 – 1993	Công ty Dược thành phố	Nhân viên bán thuốc
Từ năm 1993 – 2004	Công ty Dược thành phố	Nhân viên phòng kinh doanh
Từ năm 2004 – 2008	Công ty Dược thành phố	Phó phòng kinh doanh
Từ năm 2008 – tháng 3/2015	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Trưởng phòng Xuất nhập khẩu
Từ tháng 3/2015 đến nay	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	Trưởng phòng Xuất nhập khẩu.
Từ tháng 3/2015 đến nay	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Thành viên Hội đồng quản trị

- Số cổ phần sở hữu : 342.946 cổ phần chiếm tỷ lệ 17,91% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn: 322.946 cổ phần chiếm tỷ lệ 16,86% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu : 20.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,04% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:
 - Người có liên quan: không có.
 - Tổ chức có liên quan: không có.

Thành viên HĐQT

- Họ và Tên : **Phạm Đình Tín.**
- Giới tính : Nam.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 09/07/1961.
- Quê quán : Nam Định.
- Nơi ở hiện tại : 329/22 Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Tp. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài Chính Kế Toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng phòng Kế toán Tài chính Công ty Roussel Việt Nam.

- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ tháng 4/1984 – 8/1985	Chi Cục Thu Quốc Doanh và Quản lý Tài chính XNTW TP. HCM	Cán bộ
Từ tháng 9/1988 – 8/1990	Xí nghiệp liên doanh Việt Xô (Seaprimfico) - Seaprodex	Kế toán Tổng hợp
Từ tháng 9/1990 – 9/1993	Công ty Phát Triển Khoáng Sản 6	Phó trưởng phòng KTTC
Từ tháng 10/1993 – 12/1999	Công ty XNK Tổng Hợp Sài Gòn (Incomex SG)	Phó trưởng phòng KTTC
Từ tháng 01/2000 – 09/2001	Công ty cổ phần Đầu tư Thương Mại Thủy Sản (Incomfish)	Kế toán trưởng
Từ tháng 10/2001 – 03/2003	Công ty cổ phần Đầu tư Thương Mại M.N.T.	Kế toán trưởng
Từ tháng 04/2003 – 10/2010	Công ty cổ phần Thiên Ân	Kế toán trưởng, Giám Đốc Tài chính
Từ tháng 6/2011 – 5/2015	Công ty Roussel Việt Nam	Trưởng phòng Kế toán Tài chính
Từ tháng 5/2015 đến nay	Công ty Roussel Việt Nam Công ty Cổ phần mắt kính Sài Gòn	Trưởng phòng Kế toán Tài chính. Thành viên Hội đồng quản trị

- Số cổ phần sở hữu : 262.209 cổ phần chiếm tỷ lệ 13,69% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu cho Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn: 242.209 cổ phần chiếm tỷ lệ 12,65% vốn điều lệ.
- Cá nhân sở hữu : 20.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,04% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:
 - Người có liên quan: không có.
 - Tổ chức có liên quan: không có.

2. Ban kiểm soát

2.1. Danh sách Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức danh
Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát
Lê Tấn Cường	Thành viên BKS
Nguyễn Bạch Phụng	Thành viên BKS

2.2. Sơ yếu lý lịch Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Hồng Hạnh – Trưởng BKS

- Họ và Tên : Nguyễn Thị Hồng Hạnh.
- Giới tính : Nữ.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 15/03/1963.
- Quê quán : Phú Xuân – Nhà Bè – TP. Hồ Chí Minh.
- Nơi ở hiện tại : 61 Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, TP. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Đại học Kinh tế TP. HCM.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát kiêm Phó giám đốc khúc xạ.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1988 – 1991	Xí nghiệp Mắt kính Sài Gòn	Nhân viên phòng kế hoạch
Từ năm 1991 – 1999	Xí nghiệp Mắt kính Sài Gòn	Nhân viên phòng khúc xạ

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Từ năm 1999 – 2000	Xí nghiệp Mắt kính Sài Gòn	Phó phòng khúc xạ
Từ năm 2000 – 2002	Công ty cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Phó phòng khúc xạ
Từ năm 2002 – 2016	Công ty cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Phó phòng khúc xạ.
Từ năm 2002 - 2019	Công ty cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát
Từ năm 2019 đến nay	Công ty cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Trưởng Ban kiểm soát
Từ năm 2016 đến nay	Công ty cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Phó giám đốc khúc xạ

- Số cổ phần sở hữu : 50.635 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,64% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
 - Cá nhân sở hữu : 50.635 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,64% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:
 - Người có liên quan: không có.
 - Tổ chức có liên quan: không có.

Lê Tấn Cường – Thành viên BKS

- Họ và tên : Lê Tấn Cường.
- Giới tính : Nam.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 09/05/1967.
- Quê quán : Xã Trung An, Huyện Củ Chi.
- Nơi ở hiện tại : 120 Phạm Đăng Giảng, Phường Bình Hưng Hòa, Bình Tân.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên ban kiểm soát.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Phòng kinh tế Ủy ban Nhân dân Tp. HCM.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1991 – 2007	Sở Tài chính	Nhân viên phòng tài vụ 1 (chuyên kiểm tra, soát xét báo cáo tài chính của các công ty do Sở tài chính quản lý)
Từ năm 2001 - 2019	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Trưởng ban Kiểm soát
Từ năm 2019 đến nay	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Thành viên ban Kiểm soát
Từ năm 2007 – nay	Ủy ban Nhân dân Thành phố	Chuyên viên Văn phòng phòng kinh tế

- Số cổ phần sở hữu : 55.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,90% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
 - Cá nhân sở hữu : 55.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,90% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:
 - Người có liên quan: không có.
 - Tổ chức có liên quan: không có.

Nguyễn Bạch Phụng – Thành viên BKS:

- Họ và Tên : Nguyễn Bạch Phụng.
- Giới tính : Nữ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 06/12/1957.
- Quê quán : Tân Kiên – Bình Chánh – TP. HCM.
- Nơi ở hiện tại : 284/44/8 Lê Văn Sĩ, Phường 14, Quận 3. TP. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế hoạch; Đại học Ngữ văn.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng kế hoạch.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1976 – 1979	Bệnh viện Đồn Đất	Nhân viên
Từ năm 1979 – 1982	Trường trung cấp kế hoạch	Học viên
Từ năm 1982 – 2000	Xí nghiệp Mắt kính Sài Gòn	Nhân viên phòng kế hoạch
Từ năm 2000 – 2004	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Nhân viên phòng kế hoạch
Từ năm 2004 – 2008	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Phó phòng kế hoạch
Từ năm 2008 đến nay	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Trưởng phòng kế hoạch
Từ năm 2010 đến nay	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Thành viên Ban kiểm soát

- Số cổ phần sở hữu : 48.445 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,53% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
 - Cá nhân sở hữu : 48.445 cổ phần chiếm tỷ lệ 2,53% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:

Mối quan hệ	Họ tên	Số CMND	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ/ VDL
-------------	--------	---------	-------------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Con	Võ Đình Nam Phương	079190007671 ngày cấp 25/6/2018 nơi cấp Cục CSĐKQLCT&DLQGVDC	11.340	0,59%
-----	-----------------------	--	--------	-------

– Tổ chức có liên quan: không có.

3. Ban lãnh đạo của Công ty:

3.1. Danh sách Ban lãnh đạo

Họ và Tên	Chức danh
Lâm Kim Khoa	Tổng giám đốc
Lưu Thị Nhung	Phó tổng giám đốc
Nguyễn Thành Nhân	Kế toán trưởng

3.2. Sơ yếu lý lịch Ban lãnh đạo

Lâm Kim Khoa – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc: xem mục 1.2.

Lưu Thị Nhung – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc: xem mục 1.2

Nguyễn Thành Nhân – Kế toán trưởng

- Họ và Tên : Nguyễn Thành Nhân.
- Giới tính : Nam.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh.
- Ngày tháng năm sinh : 16/03/1961.
- Quê quán : Vĩnh Long.
- Nơi ở hiện tại : 6/22A Phạm Hùng, Phường 10, Quận 8, TP. HCM.
- Trình độ văn hóa : 12/12.
- Trình độ chuyên môn : Đại học tài chính kế toán.
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng kiêm Phó Giám đốc Tài chính.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.
- Quá trình công tác (tóm tắt):

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1981 – 1986	Sở Y Tế TP. HCM	Nhân viên kế toán
Từ năm 1986 – 1990	Liên hiệp Dược	Kế toán tổng hợp
Từ năm 1991 – 2000	Xí nghiệp Mắt kính Sài Gòn	Kế toán trưởng
Từ năm 2000 – tháng 7/2008	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Kế toán trưởng. Thành viên HĐQT
Từ tháng 7/2008 – năm 2010	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Kế toán trưởng. Phó giám đốc tài chính. Thành viên HĐQT
Từ năm 2010 đến nay	Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn	Kế toán trưởng. Phó giám đốc tài chính.

- Số cổ phần sở hữu : 8.010 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42% vốn điều lệ.
 - Đại diện sở hữu : 0 cổ phần.
 - Cá nhân sở hữu : 8.010 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,42% vốn điều lệ.
- Hành vi phạm pháp : không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không.
- Những khoản nợ đối với Công ty: không.
- Những người có liên quan:
 - Người có liên quan: không có.
 - Tổ chức có liên quan: không có.

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.

- Công ty Cổ phần Mắt kính Sài Gòn áp dụng quản trị công ty theo đúng quy định của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Công ty đã xây dựng bản Điều lệ công ty trên cơ sở tham chiếu Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty đại chúng và tuân thủ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015. Bản điều lệ đã được Đại Hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

- Hội đồng quản trị của Tổng công ty gồm 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên là thành viên độc lập tuân thủ theo đúng Khoản 2 Điều 11 Thông tư 121.
- Hội đồng quản trị thường xuyên tham khảo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Hiện tại Trưởng Ban kiểm soát của Công ty chưa có chứng chỉ kiểm toán viên chuyên nghiệp hoặc kế toán viên chuyên nghiệp. Công ty cam kết sẽ khắc phục điều này trong lần tổ chức Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

III. PHỤ LỤC

1. Báo cáo tài chính kiểm toán 2018.
2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán.

Tp. HCM, ngày 08 tháng 05 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

CHỦ TỊCH HĐQT kiêm TỔNG GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THÀNH NHÂN

TP. HCM, ngày tháng 05 năm 2019
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRÌNH THANH CẦN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04-07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09-10
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11-27

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ Phần Mắt Kính Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300520465 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 04 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Sản xuất, kinh doanh mắt kính và dụng cụ quang học về mắt; Cho thuê mặt bằng.

Tên tiếng anh: SAISON OPTIC COMPANY.

Tên viết tắt: SAIGON OPTIC CO.

Trụ sở chính: 86-90 Cách mạng tháng tám, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Lâm Kim Khoa	Chủ tịch HĐQT
Bà Lưu Thị Nhung	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Thành viên
Bà Trần Phương Anh	Thành viên
Ông Phạm Đình Tín	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Bà Đỗ Thị Trang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lê Tấn Cường	Trưởng ban
Bà Nguyễn Bạch Phượng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lâm Kim Khoa	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Bà Lưu Thị Nhung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nhân	Phó Giám đốc Tài Chính
Ông Nguyễn Tuấn Nhã	Phó Giám đốc Sản Xuất
Bà Huỳnh Thu Dung	Phó Giám đốc Khúc xạ
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Giám đốc Khúc xạ
Bà Phạm Thị Thu Hương	Phó Giám đốc Nhân sự

CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Thành Nhân

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Lâm Kim Khoa

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389 A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: B1218506-R/AISC-DN3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN MẮT KÍNH SÀI GÒN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Mắt Kính Sài Gòn, được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Mắt Kính Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2019

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN VÀ
DỊCH VỤ TIN HỌC
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
QUẬN 3 - TP. HCM
Trương Diệu Thúy
Số giấy CNĐKHNKT: 0212-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Lê Thị Thanh Tâm

Số giấy CNĐKHNKT: 3199-2015-05-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội : 6 Floor, 36 Hoa Bình 4 Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Hà Nội City

Branch in Đà Nẵng : 350 Hai Phong St., Thanh Khê Dist., Đà Nẵng City

Representative in Cần Thơ: P9019 - A 200 Nguyen Hien St., Ninh Kiều Dist., Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St., Hồng Bàng Dist., Hải Phòng

Tel: (84.24) 3782 0045

Tel: (84.236) 3747 619

Tel: (84.28) 3832 9129

Tel: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.24) 3782 0048

Fax: (84.236) 3747 620

Fax: (84.28) 3834 2957

Fax: (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn

Email: danang@aisc.com.vn

Email: cantho@aisc.com.vn

Email: haiphong@aisc.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		29.225.226.688	28.273.023.598
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.411.151.706	3.732.066.771
1. Tiền	111		1.111.151.706	482.066.771
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.300.000.000	3.250.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		174.547.580	171.263.078
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	149.090.442	316.785.366
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		24.805.138	23.495.512
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.2	-	(169.540.800)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		652.000	523.000
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	26.638.922.767	24.366.002.600
1. Hàng tồn kho	141		26.638.922.767	24.366.002.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		604.635	3.691.749
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		604.635	691.749
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.8b	-	3.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.963.992.976	2.515.542.178
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.963.992.976	2.500.736.242
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	1.963.992.976	2.500.736.242
- Nguyên giá	222		13.212.435.260	13.212.435.260
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.248.442.284)	(10.711.699.018)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	-	-
- Nguyên giá	228		138.612.500	138.612.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.612.500)	(138.612.500)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	14.805.936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	-	14.805.936
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		31.189.219.664	30.788.565.776

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.688.610.626	7.429.578.799
I. Nợ ngắn hạn	310		6.738.610.626	6.232.608.799
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.7	2.126.983.082	2.228.986.899
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8a	1.052.281.648	647.175.264
4. Phải trả người lao động	314		1.311.892.309	1.473.064.094
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.9	1.918.751.400	1.510.849.050
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		328.702.187	372.533.492
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		950.000.000	1.196.970.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.9	950.000.000	1.196.970.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.500.609.038	23.358.986.977
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	23.500.609.038	23.358.986.977
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		19.149.000.000	19.149.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		19.149.000.000	19.149.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.500.000.000	1.500.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		735.864.629	504.813.403
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.115.744.409	2.205.173.574
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.060.223.574	411.986.423
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.055.520.835	1.793.187.151
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		31.189.219.664	30.788.565.776

TP. HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hà



Nguyễn Thành Nhân




Lâm Kim Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46.249.738.875	45.162.893.944
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	46.249.738.875	45.162.893.944
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	27.760.289.345	27.969.854.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18.489.449.530	17.193.039.852
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	93.117.861	94.472.811
7. Chi phí tài chính	22		6.317.860	12.053
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	158.404.120	182.274.767
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.576.894.545	10.204.206.262
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		5.840.950.866	6.901.019.581
11. Thu nhập khác	31	VI.6	358.051.621	381.154.146
12. Chi phí khác	32	VI.7	364.089.799	369.758.086
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(6.038.178)	11.396.060
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.834.912.688	6.912.415.641
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	1.213.888.176	1.423.548.404
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.621.024.512	5.488.867.237
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.087	2.541
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.087	2.541

TP. HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Nguyễn Thị Thanh Hà

Nguyễn Thành Nhân

Lâm Kim Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		51.030.761.402	49.805.757.434
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(19.882.966.091)	(21.003.289.866)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.807.386.394)	(13.463.279.700)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.202.141.314)	(1.600.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		843.904.294	787.734.205
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(13.964.738.732)	(13.554.636.656)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.017.433.165	972.285.417
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		90.902.085	87.888.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		90.902.085	87.888.405
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	4.500.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.429.307.650)	(3.033.117.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.429.307.650)	1.466.882.850

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50 = 20+30+40$)	50		(1.320.972.400)	2.527.056.672
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.732.066.771	1.205.015.910
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		57.335	(5.811)
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70 = 50+60+61$)	70	V.1	<u>2.411.151.706</u>	<u>3.732.066.771</u>

TP. HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thanh Hà

Nguyễn Thành Nhân

Lâm Kim Khoa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ Phần Mắt Kính Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300520465 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 04 năm 2000, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh mắt kính và dụng cụ quang học về mắt; Cho thuê mặt bằng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 109 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2017: 112 nhân viên)****7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2018: 23.190 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2018: 23.265 VND/USD;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15 năm
Phần mềm máy tính.	3 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm, công cụ dụng cụ;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng trong năm.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp: lãi tỷ giá hối đoái.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá hối đoái; các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế quy định năm hiện hành như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%.

15. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

16. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty Cổ Phần Mắt Kính Sài Gòn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty Cổ Phần Mắt Kính Sài Gòn, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

18. Thông tin báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2018		01/01/2018	
Tiền	1.111.151.706		482.066.771	
Tiền mặt	541.216.062		416.397.819	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	569.935.644		65.668.952	
Các khoản tương đương tiền	1.300.000.000		3.250.000.000	
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng (hoặc dưới 3 tháng)	1.300.000.000		3.250.000.000	
Cộng	2.411.151.706		3.732.066.771	
2. Phải thu của khách hàng	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	149.090.442	-	316.785.366	(169.540.800)
Khách hàng trong nước	149.090.442	-	316.785.366	(169.540.800)
Phải thu tiền nhà	149.090.442	-	316.785.366	(169.540.800)
Cộng	149.090.442	-	316.785.366	(169.540.800)
3. Hàng tồn kho	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	26.417.762.858	-	24.153.403.936	-
Công cụ, dụng cụ	219.081.760	-	209.653.160	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.551.330	-	1.557.630	-
Hàng hoá	526.819	-	1.387.274	-
Cộng	26.638.922.767	-	24.366.002.000	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Tài sản cố định hữu hình Xem trang 25.

5. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	138.612.500	138.612.500
Số dư cuối năm	138.612.500	138.612.500
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	138.612.500	138.612.500
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	138.612.500	138.612.500
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 138.612.500 VND.

6. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2018	01/01/2018
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	14.805.936
Cộng	-	14.805.936

7. Phải trả người bán	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	2.126.983.082	2.126.983.082	2.228.986.899	2.228.986.899
Nhà cung cấp trong nước	1.689.429.474	1.689.429.474	1.729.009.114	1.729.009.114
Công ty TNHH Thương Mại Một Không Một	940.375.974	940.375.974	1.254.839.864	1.254.839.864
Công ty An Khang Phúc	742.402.500	742.402.500	466.560.000	466.560.000
Các nhà cung cấp khác	6.651.000	6.651.000	7.609.250	7.609.250
Nhà cung cấp nước ngoài	437.553.608	437.553.608	499.977.785	499.977.785
Cộng	2.126.983.082	2.126.983.082	2.228.986.899	2.228.986.899

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	158.063.854	3.872.019.026	3.507.685.704	522.397.176
Thuế xuất nhập khẩu	-	739.111.766	739.111.766	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	442.141.313	1.213.888.176	1.202.141.314	453.888.175
Thuế thu nhập cá nhân	46.970.097	519.511.591	499.492.697	66.988.991
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	5.148.052.782	5.148.052.782	-
Các loại thuế khác	-	10.277.991	1.270.685	9.007.306
Cộng	647.175.264	11.502.861.332	11.097.754.948	1.052.281.648
b. Phải thu				
Thuế môn bài	3.000.000	6.000.000	3.000.000	-
Cộng	3.000.000	6.000.000	3.000.000	-

9. Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
a. Ngắn hạn		
Phải trả cổ tức	1.918.751.400	1.510.849.050
Cộng	1.918.751.400	1.510.849.050
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	950.000.000	1.196.970.000
Cộng	950.000.000	1.196.970.000

10. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 26.****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2018	01/01/2018
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (vốn Nhà nước)	30%	5.651.550.000	5.651.550.000
Công ty Cổ Phần Địa Ốc ACB	8%	1.614.900.000	1.614.900.000
Các cổ đông khác	62%	11.882.550.000	11.882.550.000
Cộng	100%	19.149.000.000	19.149.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19.149.000.000	19.149.000.000
Vốn góp đầu năm	19.149.000.000	16.149.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	3.000.000.000
Vốn góp cuối năm	19.149.000.000	19.149.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.829.800.000	3.679.800.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

d. Cổ tức	Năm 2018	Năm 2017
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ		
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường	20%	20%
đ. Cổ phiếu	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.914.900	1.914.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.914.900	1.914.900
Cổ phiếu phổ thông	1.914.900	1.914.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.914.900	1.914.900
Cổ phiếu phổ thông	1.914.900	1.914.900
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp	31/12/2018	01/01/2018
Quỹ đầu tư phát triển	735.864.629	504.813.403
Cộng	735.864.629	504.813.403

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng hóa	42.588.443.738	42.141.816.654
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.661.295.137	3.021.077.290
Cộng	46.249.738.875	45.162.893.944
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu thuần bán hàng hóa	42.588.443.738	42.141.816.654
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.661.295.137	3.021.077.290
Cộng	46.249.738.875	45.162.893.944
3. Giá vốn hàng bán	Năm 2018	Năm 2017
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.760.289.345	27.969.854.092
Cộng	27.760.289.345	27.969.854.092
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2018	Năm 2017
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	90.902.085	87.888.405
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.582	6.374.549
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.160.194	209.857
Cộng	93.117.861	94.472.811

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2018	Năm 2017
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu, bao bì	105.017.120	140.168.767
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	8.500.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.887.000	36.636.000
Chi phí bằng tiền khác	-	5.470.000
Cộng	158.404.120	182.274.767
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	4.796.620.650	4.908.461.855
Chi phí vật liệu quản lý	-	51.067.091
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.325.526	117.016.224
Chi phí khấu hao TSCĐ	280.119.024	280.119.024
Thuế, phí, lệ phí	5.164.330.773	1.929.945.430
Chi phí dịch vụ mua ngoài	561.814.938	555.746.602
Chi phí bằng tiền khác	1.637.683.634	2.361.850.036
Cộng	12.576.894.545	10.204.206.262
6. Thu nhập khác	Năm 2018	Năm 2017
Thu tiền điện nước	358.051.621	379.634.146
Các khoản khác	-	1.520.000
Cộng	358.051.621	381.154.146
7. Chi phí khác	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí phạt hành chính	491	6.152.380
Chi phí điện, nước	364.089.308	363.605.706
Cộng	364.089.799	369.758.086
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2018	Năm 2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.114.500.587	16.642.945.712
Chi phí nhân công	16.126.124.964	15.950.240.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	536.743.266	607.047.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	779.879.260	741.819.785
Chi phí khác bằng tiền	6.938.339.933	4.414.281.690
Cộng	40.495.588.010	38.356.335.121

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2018	Năm 2017
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.834.912.688	6.912.415.641
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	234.528.190	205.326.380
- Các khoản điều chỉnh tăng	234.528.190	205.326.380
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	234.528.190	205.326.380
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	6.069.440.878	7.117.742.021
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.213.888.176	1.423.548.404
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1.213.888.176	1.423.548.404
10. Lãi trên cổ phiếu	Năm 2018	Năm 2017
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.621.024.512	5.488.867.237
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	(624.602.451)	(736.386.724)
- Các khoản điều chỉnh giảm	(624.602.451)	(736.386.724)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.996.422.061	4.752.480.513
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.914.900	1.870.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.087	2.541
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	2.087	2.541

(*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 được tính lại theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2018 ngày 07/4/2018.

(*): Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2018.

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

11.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

11.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	2.126.983.082	-	-	2.126.983.082
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	-	950.000.000	-	950.000.000
	2.126.983.082	950.000.000	-	3.076.983.082
Ngày 31 tháng 12 năm 2017				
Phải trả người bán	2.228.986.899	-	-	2.228.986.899
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả	-	1.196.970.000	-	1.196.970.000
	2.228.986.899	1.196.970.000	-	3.425.956.899

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Xem trang 27.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả ngắn hạn, dài hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không phát sinh**2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các thành viên chủ chốt

Thành viên chủ chốt	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải trả
Hội đồng quản trị	Thù lao và thưởng	768.300.000	255.700.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương và thưởng	1.548.863.000	42.315.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực mua bán các dụng cụ quang học về mắt và cho thuê mặt bằng. Trong đó doanh thu cho thuê mặt bằng chiếm tỉ lệ không đáng kể (dưới 10% so với tổng doanh thu) và kinh doanh trong một khu vực địa lý Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

TP. HCM, ngày 20 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Lâm Kim Khoa

Nguyễn Thị Thanh Hà

Nguyễn Thành Nhân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.4 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.506.699.184	5.209.903.931	1.453.541.236	42.290.909	13.212.435.260
Mua trong năm					-
Số dư cuối năm	6.506.699.184	5.209.903.931	1.453.541.236	42.290.909	13.212.435.260
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.128.479.372	4.723.399.123	848.406.533	11.413.990	10.711.699.018
Khấu hao trong năm	106.016.904	256.624.242	165.643.944	8.458.176	536.743.266
Số dư cuối năm	5.234.496.276	4.980.023.365	1.014.050.477	19.872.166	11.248.442.284
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	1.378.219.812	486.504.808	605.134.703	30.876.919	2.500.736.242
Số dư cuối năm	1.272.202.908	229.880.566	439.490.759	22.418.743	1.963.992.976

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.544.942.477 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.11. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	16.149.000.000	-	230.370.041	1.381.936.423	17.761.306.464
Tăng vốn trong năm	3.000.000.000	1.500.000.000	-	-	4.500.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.488.867.237	5.488.867.237
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2017	-	-	274.443.362	(274.443.362)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017	-	-	-	(548.886.724)	(548.886.724)
Chia cổ tức năm 2016 & 2017	-	-	-	(3.679.800.000)	(3.679.800.000)
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành 2016	-	-	-	(162.500.000)	(162.500.000)
Số dư cuối năm trước	19.149.000.000	1.500.000.000	504.813.403	2.205.173.574	23.358.986.977
Số dư đầu năm nay	19.149.000.000	1.500.000.000	504.813.403	2.205.173.573	23.358.986.977
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.621.024.512	4.621.024.512
Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2018	-	-	231.051.226	(231.051.226)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018	-	-	-	(462.102.451)	(462.102.451)
Chia cổ tức năm 2017 & 2018	-	-	-	(3.829.800.000)	(3.829.800.000)
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành 2017	-	-	-	(187.500.000)	(187.500.000)
Số dư cuối năm nay	19.149.000.000	1.500.000.000	735.864.629	2.115.744.408	23.500.609.038

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2018	Dự phòng	Giá trị	01/01/2018	31/12/2018	01/01/2018
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng			
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.411.151.706	-	3.732.066.771	-	2.411.151.706	3.732.066.771
- Phải thu khách hàng	149.090.442	-	316.785.366	(169.540.800)	149.090.442	147.244.566
TỔNG CỘNG	2.560.242.148	-	4.048.852.137	(169.540.800)	2.560.242.148	3.879.311.337
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	2.126.983.082	-	2.228.986.899	-	2.126.983.082	2.228.986.899
- Nợ phải trả tài chính khác	950.000.000	-	1.196.970.000	-	950.000.000	1.196.970.000
TỔNG CỘNG	3.076.983.082	-	3.425.956.899	-	3.076.983.082	3.425.956.899

